TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/DS-ST
Ngày: 07/9/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích.

2. Bà Mai Thị Ngọc Hân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Bé Thu.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*ông N, sinh năm 1984.

Cư trú: số 1, khóm , phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1ông S, sinh năm 1961

2.2 Bà N.

Cư trú: số 3, tổ 2, khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt ông N; ông S, bà N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/7/2016 và trong quá trình tố tụng nguyên đơnông N trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, ngày 12/4/2016ông S viết biên nhận vay củaông N số tiền 700.000.000 đ, nội dung biên nhận không thỏa thuận về lãi suất, mục đích để tất toán N hàng Phương Đông chuyển sang vay tại N hàng ACB, nhưng sau khi sử dụng tiền để trả vào N hàng Phương Đông thì ông S không ký vay tại N hàng ACB và cũng không tìm nguồn khác để trả cho ông N. Ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay nên ông N khởi kiện với yêu cầu:

1/ông S và bà N liên đới trách nhiệm trả số tiền vay 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

2/ông S và bà N liên đới trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh từ ngày 12/4/2016 đến khi xét xử với mức lãi suất là 1%/tháng.

Bị đơnông S trình bày tại tờ tự khai ngày 22/8/2017: Ông thừa nhận có vay của ông N 700.000.000 đ, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng 35.000.000 đ/tháng, ông đã trả lãi được 6 tháng. Đến tháng 10/2016 ông không còn khả năng trả lãi nữa thì thỏa thuận bán trại cưa và nhà máy cho ông N với giá 2.000.000.000 đ để trừ nợ nhưng sau đó ông N không mua mà đi khởi kiện ông.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Nguyên đơnông N yêu cầu:ông S có trách nhiệm hoàn trả số tiền vốn vay 700.000.000 đ (bảy trăm triệu đồng); Rút lại yêu cầu bà N là vợ ông S liên đới trách nhiệm cùng ông S thanh toán số tiền 700.000.000 đ; Rút lại yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 12/4/2016 đến khi xét xử, với mức lãi suất là 1%/tháng.

Bị đơn ông S, bà N vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Ông N tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông S, bà N, tranh chấp, tranh chấp này được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông S, bà N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông S, bà N.

Tại phiên tòa ông N rút lại yêu cầu bà N là vợ ông S liên đới trách nhiệm cùng ông S thanh toán số tiền 700.000.000 đ; Rút lại yêu cầu tính lãi phát sinh

từ ngày 12/4/2016 đến khi xét xử, với mức lãi suất là 1%/tháng, việc rút lại yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đình chỉ đối với các yêu cầu rút lại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông N khởi kiện ông S, căn cứ biên nhận vay tiền ngày 12/4/2016 với số tiền vay là 700.000.000 đ, ông S cũng thừa nhận còn nợ ông N số tiền 700.000.000 đ. Ông N và ông S đã xác lập hợp đồng vay theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 và ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Đối với trình bày của ông S về việc thỏa thuận bán trại cưa và nhà máy cho ông N với giá 2.000.000.000 đ để trừ nợ nhưng ông N không thừa nhận có sự thỏa thuận này, ông chỉ tìm người giới thiệu để ông S bán và có tiền trả nợ cho ông chứ ông không thỏa thuận mua để trừ nợ, đồng thời ông S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận mua bán để trừ nợ. Do đó, trình bày của ông S không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với trình bày của ông S về thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng 35.000.000 đ/tháng, ông đã trả lãi được 6 tháng, nhưng tại phiên tòa ông N không thừa nhận đã nhận lãi, ông S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông đã trả lãi cho ông N và không có đơn yêu cầu xem xét đối với phần lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận nên được nhận tại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông S phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Căn cứ vào</u>:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện củaông N.

Buộcông S có trách nhiệm hoàn trả choông N số tiền vốn vay 700.000.000 đ (bảy trăm triệu đồng);

Đình chỉ đối với yêu cầu bà N là vợ ông S liên đới trách nhiệm cùng ông S thanh toán số tiền 700.000.000 đ;

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 12/4/2016 đến khi xét xử, với mức lãi suất là 1%/tháng.

[2] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Ông N được nhận lại 16.000.000 đ (mười sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010732 ngày 09/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phốLong Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông S phải nộp 32.000.000 đ (ba mươi hai triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông S, bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án).

Nơi nhận:
- *Các đương sự "Để thi hành";*
- *VKSND – TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *THADS TPLX;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu văn phòng./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt